

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX	952.0	-0.68%
KLKL (triệu CP)	661.0	-15.8%
Khối ngoại (tỷ)	135.7	

HNX-INDEX	106.7	-0.46%
KLKL (triệu CP)	150.1	-26.6%
Khối ngoại (tỷ)	25.2	

TTPS	Điểm số	HĐ mở
VN30F1812	913.1	17764
VN30F1812	913.0	1405
VN30F1812	912.9	167
VN30F1812	911.0	167

Các mốc điểm quan trọng

	Kháng cự	Trung bình	Hỗ trợ
VN-INDEX	985.0	952.0	930.0
HNX-INDEX	135.0	110.0	100.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Điểm nhấn tuần vừa qua	1
Thống kê thị trường	2
Phân tích kỹ thuật VN-INDEX	3
Thông tin vĩ mô	4
Dự báo ETF	5,6
Danh mục khuyến nghị	7,8
Khuyến cáo sử dụng	9

Báo cáo này được xem là nguồn thông tin tham khảo. Vui lòng đọc kỹ phần Khuyến cáo sử dụng ở trang cuối.

Chiến thuật tuần tới

Biến động phức tạp từ diễn biến thế giới vẫn cản trở dòng tiền quay lại thị trường. Trong tuần qua thị trường có phiên tích cực vượt qua cản SMA100, tuy nhiên lực bán chốt lãi trong phiên cuối tuần kéo VN-Index trở lại vùng tích lũy sau khi nhận thấy dòng tiền nhà đầu tư Thái vào E1VFN30 đã tạm thời khóa sổ cho việc niêm yết trên SGDCK Thái Lan. Trong tuần tới, 2 ETF sẽ đẩy mạnh cơ cấu danh mục và sẽ tập trung trong phiên giao dịch 21/12 có thể gây ra biến động bất thường khi thanh khoản giảm trở lại. Dù vậy, Thông tin kinh tế vĩ mô cũng dần được công bố giúp NĐT có thêm tầm nhìn cho hoạt động đầu tư trong năm 2019. Nhiều khả năng thị trường tiếp tục giằng co trong tuần tới, các cổ phiếu Bluechips sẽ thể hiện vai trò nâng đỡ thị trường trong ngắn hạn.

Chỉ số USD Index tăng 1% tuần qua nhờ Trung Quốc xuống nước và thủ tướng Anh vừa vượt bỏ phiếu tín nhiệm. Tuy nhiên VND lại khá ổn định khi tăng giá 0.1% so USD trước tuần cuộc họp chính sách tháng 12 của FED. Kinh tế vĩ mô ổn định, xuất siêu tăng mạnh vẫn là thông tin tích cực giúp VND đi ngược xu thế mất giá chung của các đồng tiền so với USD. Lãi suất liên Ngân hàng cũng có dấu hiệu nhiệt khi giảm lần lượt 6, 16, 13 và 11 điểm % ở các kỳ hạn qua đêm, 1 tuần, 1 tháng và 3 tháng. Trong tuần qua thị trường thế giới chứng kiến sự suy yếu của hầu hết các thị trường chủ chốt và trong khu vực. Khối ngoại quay lại bán ròng ở hầu hết các nước trong khu vực, ngoại trừ mua ròng nhẹ ở thị trường Philippines và Việt Nam.

Không nằm ngoài dự báo của chúng tôi, Quỹ ETF VNM cũng đã công bố danh mục điều chỉnh trong quý IV theo đó chỉ bổ sung GEX, trong khi VCG đã bị loại trừ trước do điều chỉnh room ngoại về 0%. Tổng tỷ trọng của các cổ phiếu Việt Nam tăng lên 73.32%, cao hơn so với mức 72.66% tại kỳ đảo danh mục quý 3/2018. Với thay đổi này, Quỹ sẽ mua mới 7.3 triệu GEX, tăng tỷ trọng mua 1 triệu VCB trong khi bán 1.1 triệu VHM, 1.6 triệu MSN, 1.4 triệu STB. Tính chung 2 quý, cổ phiếu mua nhiều gồm GEX (8.7 triệu), HNG (4.6 triệu), VCB (2.7 triệu) và bán ra nhiều gồm DXG (2.6 triệu), HSG (2.7 triệu), MSN (1.6 triệu), và SSI (1.8 triệu) (Xem chi tiết phần phụ lục). Các quỹ sẽ thực hiện giao dịch tập trung trong phiên 21/12.

Diễn biến tích cực hơn so với VN30, các HĐTL chỉ giảm đều -0.1% so với mức giảm -1.2% của VN30. Khoảng chênh lệch giá âm giữa các HĐTL và VN30 nhờ vậy thu hẹp xuống còn lần lượt -0.6%, -0.6%, -0.6% và -0.9%, thu hẹp hơn -1% so với tuần trước. Thanh khoản bình quân đạt 9,367 12,447 tỷ/ phiên, tăng 25% so cuối tuần trước. HĐ mở tăng nhẹ 15% lên mức 19,502 hợp đồng so cuối tuần trước. VN30 có dấu hiệu hụt hơi khi chưa thể vượt qua được cạnh trên mây Ichimoku tại 930 điểm và SMA100 tại 935 điểm. Hoạt động mở trạng thái short vẫn chưa rõ ràng khi các HĐTL đang thu hẹp gap. Diễn biến giằng co sẽ tiếp tục trước khi có xu hướng rõ ràng với vận động vượt 935 hoặc giảm dưới 910 điểm.

Khuyến nghị trading ngắn hạn: Thị trường đang có dấu hiệu hụt hơi, nhịp rung lắc chốt lãi đang diễn ra ở ngưỡng cản. Duy trì tỷ trọng danh mục khi xu hướng chưa rõ ràng sau nhịp tăng ngắn hạn.

Khuyến nghị đầu tư trung dài hạn: Duy trì trạng thái cân bằng khi xu hướng tăng điểm thiếu bền vững.

Kết quả danh mục tuần vừa qua

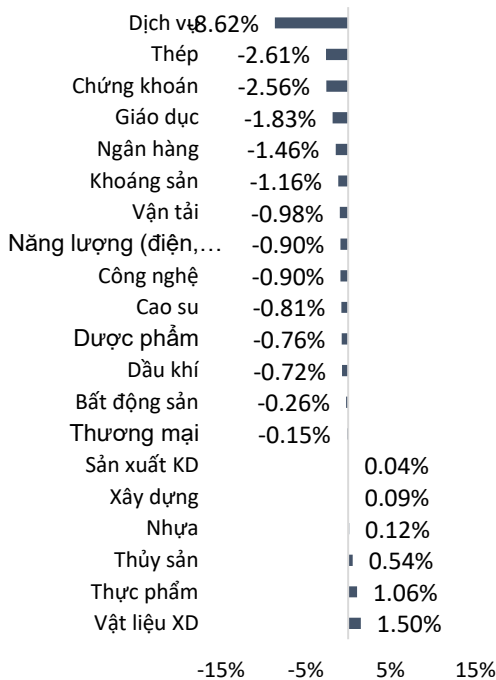
Danh mục Ngắn hạn: Hiệu suất danh mục tăng	0.11%
Danh mục Canslim: Hiệu suất danh mục giảm	-3.38%
Danh mục Cơ bản: Hiệu suất danh mục tăng	0.19%

Những thông tin lưu ý trong tuần tới

Công bố các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tháng 12 và năm 2019.

2 ETF FTSE và VNM thực hiện giao dịch cơ cấu danh mục quý IV với trọng tâm vào phiên giao dịch 21/12.

Ngày 19/12, Biên bản FOMC, tỷ lệ lãi suất sau 2 ngày FED họp, BOJ cũng công bố chính sách tiền tệ và họp báo; 11/12, Quốc hội Anh bỏ phiếu Brexit; 20/12, Anh công bố chính sách tiền tệ và lãi suất, doanh số bán lẻ m/m; 21/12, Canada công bố GDP m/m, doanh số bán lẻ và khảo sát triển vọng kinh doanh; Mỹ công bố GDP q/q lần cuối.

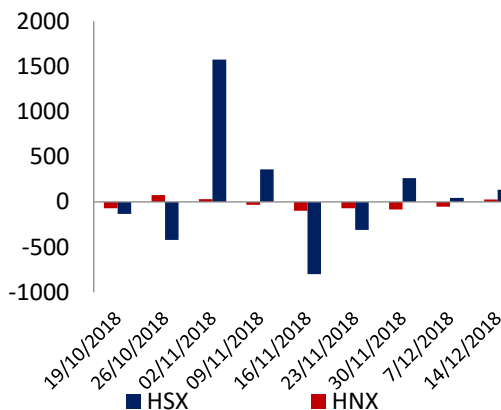
Đồ thị 1: Vận động ngành trong tuần**Điểm nhấn tuần vừa qua**

Thị trường được điều chỉnh trong tuần do những lo ngại từ nhà đầu tư về những diễn biến xoay quanh căng thẳng Trung-Mỹ, lộ trình Brexit bị trì hoãn và thời điểm cuộc họp của FED với khả năng tiếp tục nâng lãi suất đang đến gần. Thanh khoản suy giảm đáng kể cho thấy tâm lý chờ đợi các diễn biến kinh tế vĩ mô thế giới trong tuần sau cũng như xu hướng chốt lời, giảm tỷ trọng để phòng tránh những rủi ro biến động. BSC dự kiến thị trường trong tuần tới sẽ tiếp tục vận động tích lũy với mục tiêu ở mức 985 điểm và ngưỡng hỗ trợ mạnh tại mốc 940 điểm. Các yếu tố chính trong tuần:

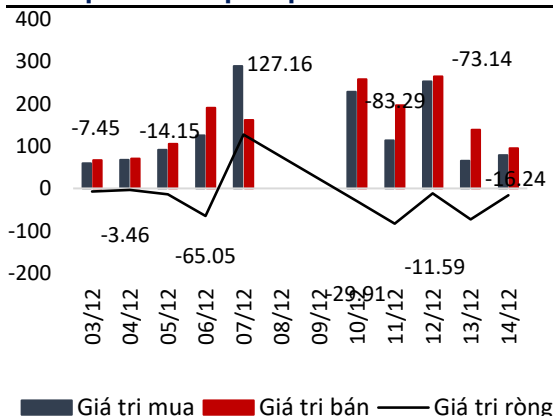
- *Midcaps, Largecaps* đều giảm điểm trong khi *Smallcaps* tăng nhẹ.
- Thanh khoản thị trường giảm mạnh so với tuần trước, đạt mức trung bình 3,170 tỷ.
- Khối ngoại quay đầu mua ròng trên HNX và tiếp tục mua ròng nhẹ trên HSX.

Vận động ngành

Thị trường tăng điểm nhẹ với 6/20 ngành tăng điểm. Ngành Vật liệu XD dẫn đầu, tăng 1.5% (VGC +1.1%, VCS +5.2%), Thực phẩm, (VNM +2.5%, SAB +1.4%), Thủy sản (VHC +2%, ANV +4.3%) tăng 1.06% và 0.54%. Các ngành giảm mạnh nhất gồm Dịch vụ (MWG -0.8%, VEF -15.4%), Thép (HPG -3.2%, HSG -1%) và Chứng khoán (SSI -0.3%, HCM -1.4%) với giá trị lần lượt -8.62%, -2.61% và -2.56%. LargeCap, Midcap giảm lần lượt 0.7%, 1.4% trong khi SmallCap tăng 1.8%.

Đồ thị 2: Vận động khối ngoại**Khối ngoại**

Khối ngoại quay đầu mua ròng trên HNX và duy trì mua ròng trên HSX. Họ mua ròng 135.67 tỷ trên sàn HSX và mua ròng 25.19 tỷ trên HNX. Khối ngoại mua 120.5 tỷ VNM, 79.7 tỷ CII trong khi bán ròng -219 tỷ HPG và -94.4 tỷ VIC. Top 10 mã mua ròng mạnh nhất mang về 832.3 tỷ và khối ngoại rút -696 tỷ từ top 10 mã bán ròng trên cả 3 sàn. ETF KIM giữ mức 12.8 triệu chứng chỉ, trạng thái discount -0.41%. ETF FTSE giữ ở mức 8.672 triệu chứng chỉ, trạng thái discount -0.5%. ETF VNM giữ ở mức 21.4 triệu chứng chỉ, trạng thái discount -0.03%. ETF VN30 tăng lên mức 294.1 triệu chứng chỉ, trạng thái premium +0.97%.

Đồ thị 3: Giao dịch tự doanh**Khối tự doanh**

Khối tự doanh CTCK bán ròng 214.17 tỷ đồng. Hoạt động bán ròng diễn ra mạnh nhất vào phiên thứ 3, 5 và bán ròng ở các ngày còn lại. Khối tự doanh mua mạnh VIS 36.75 tỷ; VNM 36.35 tỷ, TCB 32.98 tỷ và bán E1VFN30 -370.78 tỷ, PME 53.45 tỷ, LIX 39.34 tỷ.

Top tăng điểm số VN-Index

STT	Mã	% tăng	Điểm số
1	TCB	+2.32%	0.71
2	SAB	+1.25%	0.62
3	VNM	+0.82%	0.60
4	VIC	+0.49%	0.50
5	MSN	+1.06%	0.33
6	BID	+0.59%	0.21
7	EIB	+2.52%	0.13
8	PVD	+6.17%	0.12
9	KBC	+4.73%	0.10
10	SBT	+2.74%	0.10
Tổng VN-Index			3.3 -6.55

Top giảm điểm số VN-Index

STT	Mã	% giảm	Điểm số
1	CTG	-7.07%	-1.97
2	VCB	-1.22%	-0.78
3	HPG	-3.32%	-0.76
4	VJC	-3.32%	-0.74
5	VPB	-3.96%	-0.69
6	BVH	-2.93%	-0.65
7	VRE	-2.42%	-0.51
8	MBB	-3.11%	-0.47
9	PLX	-1.80%	-0.44
10	NVL	-2.19%	-0.42
Tổng VN-Index			-7.01 -6.55

Top mua bán ròng trong tuần

TT	Mã	Mua ròng	Sở hữu NN
1	E1VFVI	364.47	#N/A
2	VNM	120.54	59.29
3	CII	79.73	54.68
4	KBC	57.53	19.39
5	MSN	54.86	40.34
6	VSC	43.39	40.74
7	PVS	30.69	18.52
8	BID	28.93	2.89
9	VEA	26.24	4.96
10	POW	25.87	72.58
Tổng		832.3	

TT	Mã	Bán ròng	Sở hữu NN
1	HPG	-218.98	38.94
2	VIC	-94.43	9.34
3	VJC	-86.32	23.58
4	CTG	-77.98	29.99
5	VHC	-56.21	37.29
6	GAS	-46.93	3.39
7	CTD	-33.74	43.83
8	BSR	-32.21	32.26
9	HDB	-28.81	27.02
10	PVT	-20.40	33.59
Tổng		-696.0	

VN-Index

Đồ thị tuần: Diễn biến giảm co quanh SMA20 tuần tương đương mức SMA100 ngày, VN-Index hình thành cây nến doji với bóng nến trên dài và khối lượng giao dịch tương đương tuần trước. MACD duy trì xu hướng tăng và đã vượt lên trên đường tín hiệu. Các chỉ số kỹ thuật cải thiện nhẹ, chỉ số tâm lý giảm về mức 41.7 cho thấy xu hướng trung hạn vẫn chưa xác lập rõ ràng. Xu hướng tích lũy còn tiếp và không loại trừ vẫn còn phiên rung lắc với ngưỡng hỗ trợ tại 940 điểm, trước khi vượt cản và hướng tới vùng giá cao hơn.

Đồ thị ngày: Sau phiên breakout khỏi SMA100 với khối lượng giao dịch cải thiện, VN-Index tạo nền inverted hammer và sau đó giảm mạnh chạm cạnh trên dải mây Ichimoku. Diễn biến tiêu cực cuối phiên tuần, VN-Index vẫn nằm trong biên độ giao động đi ngang quanh SMA100. Phiên giảm hôm nay phản ánh tâm lý chốt lãi NĐT, đồng thời cũng là phiên rũ cung để cho quá trình tích lũy lại sẽ diễn ra tuần với với ngưỡng hỗ trợ quanh 940 điểm.

Một vài đặc điểm chú ý:

- VN-Index lại giảm điểm sau phiên vượt SMA100 vào giữa tuần. Quá trình tích lũy lại sẽ diễn ra tuần tới trước khi hướng tới vùng giá mục tiêu của mô hình W và mô hình tích lũy ascending triangle.
- Thanh khoản duy trì mức khá, các chỉ số kỹ thuật cải thiện nhẹ tuy nhiên chỉ số có dấu hiệu đuối sức tại cản.

Nhận định: VN-Index quay lại trạng thái dằng co tại ngưỡng cản ngắn hạn. Áp lực chốt lãi ngắn hạn và sự suy yếu của các cổ phiếu Bluechips đã kéo VN-Index xuống dưới SMA100. Quá trình tích lũy lại sẽ diễn ra trong tuần và không loại trừ sẽ còn những phiên rung lắc với ngưỡng hỗ trợ tại 940 điểm. Xu hướng tăng điểm ngắn hạn dù vậy vẫn chưa thay đổi, theo đó VN-Index vẫn có thể tiếp tục tăng điểm để hoàn thành giá mục tiêu của mô hình tại 985 điểm.

Đồ thị VN-Index



Thông tin vĩ mô trong nước

TT	Chỉ số thị trường	± Tuần
1	US (SP500)	-1.2%
2	France (CAC)	0.8%
3	Germany (DAX)	0.7%
4	UK (FTSE)	1.0%
5	Japan (Nikkei)	-1.4%
6	Phillippine (PCOMP)	0.8%
7	Malaysia (KLCI)	-1.1%
8	Thailand (SET)	-2.7%
9	Indonexia (JCI)	0.7%
10	Singapore (STI)	-1.1%
11	VietNam (VN-Index)	-0.7%

- Số liệu thống kê xuất nhập khẩu trong nửa cuối tháng 11, từ ngày 16/11 đến 30/11 đạt hơn 21,6 tỷ USD. Như vậy, tính chung tháng 11, tổng giá trị xuất khẩu cả nước đạt hơn 440 tỷ USD, tăng hơn 51,7 tỷ đô (tương đương tăng 13,3%) so với cùng kỳ 2017.
- Theo WB, GDP Việt Nam dự báo tăng trưởng 6,8% trong năm 2018. Tuy nhiên, GDP Việt Nam giảm dần xuống mức 6,6% và 6,5% cho các năm 2019, 2020 với mức lạm phát ở mức dưới 4% do chính sách thắt chặt tiền tệ.
- Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 72 điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 trong đó có những điều chỉnh giảm nguồn vốn cho các dự án quan trọng quốc gia 10.000 tỷ đồng, tức từ 80.000 tỷ đồng xuống 70.000 tỷ đồng.
- Tổ công tác của Thủ tướng dự toán việc các bộ cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính giúp doanh nghiệp và người dân tiết kiệm gần 18 triệu ngày công và hơn 6.000 tỉ đồng mỗi năm.

Tỷ giá các đồng tiền chính Đơn vị

Tỷ giá VND/USD	23,289 VND
Tỷ giá VND/EUR	26,329 VND
Tỷ giá VND/CNY	3,372 VND
Tỷ giá VND/JPY	20,540 VND

Thông tin vĩ mô nước ngoài

- 14/12, Văn phòng Đại diện Thương mại Mỹ chính thức ấn định ngày dự kiến để nâng thuế đối với 200 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc là vào ngày 02/03/2019 khi Mỹ và Trung Quốc tiếp tục đàm phán thương mại về sở hữu trí tuệ.
- Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) sẽ chính thức đặt dấu chấm hết cho chương trình mua trái phiếu trị giá hàng ngàn tỷ USD tại cuối tháng 12/2018.
- Trung Quốc cho biết, họ sẽ tạm ngưng áp hàng rào thuế quan bổ sung 25% đối với xe hơi sản xuất tại Mỹ từ ngày 01/01/2019 như là một phần của thỏa thuận đình chiến thương mại giữa Bắc Kinh và Washington.
- 10/12, Chính quyền Anh trì hoãn cuộc bỏ phiếu về thỏa thuận Brexit

Hợp đồng tương lai	Giá
Dầu WTI (USD)	51.2
Dầu Brent (USD)	60.3
Khí gas (USD/MMBtu)	3.8
Vàng giao ngay (USD/oz)	1239.0
Bạc (USD/t oz)	14.5
Đồng (USD/lb.)	276.1
Cao su (JPY/kg)	152.0
Bông (USD/lb.)	77.2

Thông tin các ngành hàng hóa

Tỷ giá OMO của ngân hàng nhà nước

Thời hạn lãi suất	Lãi suất	± Tuần
Qua đêm	4.41	0.06
1 tuần	4.49	0.16
2 tuần	4.60	0.20
1 tháng	4.70	0.13
2 tháng	4.84	0.17
3 tháng	4.88	0.11
6 tháng	4.92	0.12
1 năm	4.98	0.11

Ngành thủy sản: Xuất khẩu cá ngừ hạn chế vì thiếu nguyên liệu [Link](#)

Ngành đậu tương: Đậu tương 'ùn ừn' về Việt Nam vì chiến tranh thương mại Mỹ - Trung [Link](#)

Ngành trái cây: Sầu riêng miền Tây tăng giá gấp đôi [Link](#)

Ngành cao su: Xuất khẩu cao su thứ 3 thế giới, Việt Nam vẫn phải nhập hàng tỉ USD để sản xuất [Link](#)

Ngành tôm: Xuất khẩu tôm sang Anh có nhiều triển vọng [Link](#)

Ngành chăn nuôi: Giá trứng gia cầm giảm tới 40%, người chăn nuôi thua lỗ [Link](#)

Review ETFs VNM quý IV năm 2018

Với ETF VNM:

Theo sau FTSE, Quỹ ETF VNM cũng đã công bố danh mục điều chỉnh trong quý IV theo đó:

- Quỹ bổ sung GEX, trong khi VCG đã bị loại trừ trước do điều chỉnh room ngoại về 0%.
- Tổng tỷ trọng của các cổ phiếu Việt Nam tăng lên 73.32%, cao hơn so với mức 72.66% tại kỳ đảo danh mục quý 3/2018.

Danh mục VNM dự kiến như sau

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Chênh tiền	Số lượng	Trạng thái
1	VIC	8.0%	1,467,593	336,955	
2	VNM	8.0%	(1,067,340)	(194,706)	
3	VHM	7.0%	(3,635,627)	(1,091,155)	
4	NVL	6.5%	(1,734,428)	(594,697)	
5	VCB	6.0%	2,501,578	1,054,366	
6	VRE	5.5%	500,316	380,533	
7	BVH	5.0%	1,200,758	292,669	
8	MSN	4.5%	(5,536,827)	(1,616,061)	
9	HPG	4.4%	1,127,801	793,197	
10	SSI	3.8%	(338,706)	(277,502)	
11	ROS	3.5%	120,993	78,477	
12	SBT	2.5%	194,312	215,032	
13	GEX	2.4%	7,902,967	7,293,845	Vào mới
14	TCH	2.0%	(239,326)	(272,599)	
15	STB	1.6%	(767,291)	(1,474,589)	
16	DPM	1.4%	(384,957)	(416,146)	
17	NT2	1.2%	(10,994)	(10,106)	
18	VCG	0.0%	-	-	Loại

Review ETFs quý IV năm 2018

Tổng hợp 2 ETF thay đổi trong kỳ (Giá và tỷ giá tại 30/11)

STT	MÃ	± GT FTSE	± GT VNM	± KL FTSE	± KL VNM	± Tổng KL
1	BVH	-	1,200,758	-	292,669	292,669
2	CII	(306,544)	-	(272,160)	.	(272,160)
3	DPM	-	(384,957)	-	(416,146)	(416,146)
4	DXG	(2,679,295)	-	(2,579,857)	0	(2,579,857)
5	GEX	855,345	7,902,967	789,420	7,902,967	8,692,387
6	HBC	(969,168)	-	(1,236,616)	.	(1,236,616)
7	HNG	3,325,369	-	4,649,543	.	4,649,543
8	HPG	1,551,021	1,127,801	1,090,853	793,197	1,884,051
9	HSG	(755,962)	-	(2,666,421)	.	(2,666,421)
10	KBC	231,558	-	425,739	.	425,739
11	MSN	1,884,122	(5,536,827)	549,928	(1,616,061)	(1,616,061)
12	NT2	-	(10,994)	-	(10,106)	(10,106)
13	NVL	1,280,767	(1,734,428)	439,147	(594,697)	(155,550)
14	PDR	(338,146)	-	(297,951)	.	(297,951)
15	PLX	(2,065,431)	-	(831,514)	.	(831,514)
16	PVD	248,403	-	365,944	.	365,944
17	ROS	429,315	120,993	278,459	78,477	356,936
18	SBT	(69,289)	194,312	(76,678)	215,032	138,354
19	SSI	(1,903,710)	(338,706)	(1,559,706)	(277,502)	(1,837,208)
20	STB	224,217	(767,291)	430,902	(1,474,589)	(1,043,686)
21	TCH	132,271	(239,326)	150,660	(272,599)	(121,939)
22	VCB	3,846,785	2,501,578	1,621,343	1,054,366	2,675,709
23	VHM	877,200	(3,635,627)	263,273	(1,091,155)	(827,883)
24	VIC	(3,963,561)	1,467,593	(910,021)	336,955	(573,066)
25	VNM	(1,551,239)	(1,067,340)	(282,980)	(194,706)	(477,686)
26	VRE	(281,132)	500,316	(213,825)	380,533	166,708

Danh mục ngắn hạn

Hiệu suất danh mục ngắn hạn tăng 0.11% trong khi VN-Index giảm 0.68% so với cuối tuần trước.

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá tuần trước	Giá hiện tại	Hiệu suất 1 tuần (%)	Hiệu suất tổng(%)	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.7	33.4	32.4	-2.8%	-0.9%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	14.1	14.8	5.0%	17.5%	11.6	15.1
3	SSI	3/12/2018	29.65	29.7	29.3	-1.2%	-1.2%	27.3	34.1
4	PLX	3/12/2018	61.00	61.1	60.0	-1.8%	-1.6%	56.1	70.2
5	PTB	4/10/2018	64.00	63.9	64.8	1.4%	1.3%	58.9	73.6
Trung bình						0.1%	3.0%		

Danh mục cơ bản

Hiệu suất danh mục cơ bản tăng 0.19% trong khi VN-Index giảm 0.68% so với cuối tuần trước.

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá tuần trước	Giá hiện tại	Hiệu suất 1 tuần(%)	Hiệu suất tổng (%)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
1	POW	12/04/2018	15.6	15.5	15.2	-1.9%	-2.6%	18.7	Nắm giữ
2	TCB	31/10/2018	26.9	28.0	28.7	2.3%	6.5%	45.0	Nắm giữ
Trung bình						0.2%	2.0%		

Danh mục CANSLIM

Hiệu suất danh mục giảm 3.38% trong khi VN-Index giảm 0.68% so với cuối tuần trước.

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá tuần trước	Giá hiện tại	Hiệu suất 1 tuần (%)	Hiệu suất tổng (%)	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	29/12/2017	20.8	22.5	21.8	-3.1%	4.8%	19.1	23.9
2	HCM	18/09/2017	41.9	57.5	55.4	-3.7%	32.2%	38.5	60.0
Trung bình						-3.4%	18.5%		

Danh mục khuyến nghị cơ bản

STT	Mã	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	Hiệu suất (%)	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	MWG	22/11/2018	85.8	124.0	87.9	2.45%	13.6	4.6	Click
2	BMP	20/11/2018	55.1	60.8	57.3	3.99%	10.3	1.9	Click
3	PAC	16/11/2018	42.8	45.3	40.5	-5.37%	12.3	3.0	Click
4	VNM	19/11/2018	115.4	124.3	135.0	16.98%	27.0	9.2	Click
5	PNJ	14/11/2018	93.5	130.7	98.1	4.92%	18.1	4.7	Click
6	KBC	14/11/2018	12.5	16.6	14.4	15.20%	12.7	0.8	Click
7	DRC	14/11/2018	21.3	27.2	22.8	7.04%	19.1	1.8	Click
8	FPT	13/11/2018	41.7	59.1	44.2	6.00%	8.3	2.3	Click
9	TCM	13/11/2018	25.5	26.6	25.1	-1.6%	6.8	1.1	Click
10	ANV	02/11/2018	25.9	28.3	30.5	17.6%	10.6	2.4	Click
11	CTD	05/11/2018	151.5	177.9	161.5	6.6%	8.0	1.6	Click
12	HDG	09/10/2018	38.3	50.2	38.0	-0.7%	10.8	2.5	Click
13	GMD	05/10/2018	28.4	36.8	28.6	0.9%	4.5	1.5	Click
14	EVE	02/10/2018	16.0	18.2	17.1	6.6%	8.7	0.7	Click
15	RAL	21/09/2018	103.8	124.2	84.2	-18.9%	4.6	1.3	Click
16	FRT	29/08/2018	75.0	84.0	75.0	0.0%	18.1	6.4	Click
17	VSC	28/08/2018	41.1	47.1	43.5	5.8%	7.6	1.4	Click
18	PVT	29/08/2018	17.3	21.0	16.4	-5.2%	7.6	1.2	Click
19	BFC	21/08/2018	26.2	29.3	26.3	0.2%	8.0	1.5	Click
20	TCB	24/08/2018	26.8	32.8	28.7	7.1%	10.1	2.0	Click
22	CSV	23/08/2018	38.0	41.0	29.9	-21.4%	5.2	1.6	Click
23	NTP	19/10/2017	69.3	79.7	42.0	-39.4%	10.7	1.7	Click
25	GDT	21/08/2018	42.0	48.7	41.5	-1.2%	7.3	2.6	Click
26	MBB	15/08/2018	23.3	26.0	21.8	-6.4%	9.2	1.5	Click
27	DRI	05/06/2018	7.9	9.8	5.8	-26.6%	2.9	0.5	Click
29	VGC	07/06/2018	23.3	24.4	17.8	-23.5%	15.1	1.3	Click
31	PHR	17/05/2018	44.3	50.9	29.9	-32.4%	8.2	1.5	Click
32	TNG	14/05/2018	11.2	14.9	19.2	71.4%	6.0	1.3	Click
33	LPB	06/04/2018	17.4	23.7	9.7	-44.3%	6.0	0.9	Click
34	PPC	10/04/2018	20.5	24.2	18.5	-10.0%	6.0	1.0	Click
35	HPG	23/02/2018	44.0	55.7	33.5	-23.9%	7.7	1.8	Click
36	NT2	12/03/2018	29.3	30.2	26.2	-10.8%	9.1	2.0	Click
37	EIB	12/03/2018	15.0	17.3	14.3	-5.0%	12.9	1.2	Click
38	DIG	08/03/2018	25.3	33.9	15.9	-37.2%	14.6	1.4	Click
39	CVT	05/03/2018	35.6	39.3	22.8	-35.9%	5.2	1.4	Click
40	POW	02/03/2018	14.9	20.0	15.2	2.0%	14.8	1.3	Click
41	DXG	12/02/2018	26.5	37.7	25.5	-3.9%	8.4	1.9	Click
42	VCB	04/04/2017	42.8	44.7	56.5	31.9%	16.8	3.3	Click
Trung bình						-3.9%			

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

